TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản án số: 01/2021/DS- ST Ngày 14-01-2021 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Nguyễn Hoài Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2020 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Anh M (văn bản ủy quyền ngày 19-5-2020), địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, có mặt; chị Huỳnh Mộng D (vắng mặt); địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T, có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh T, địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Anh M (văn bản ủy quyền ngày 19-5-2020), địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt

Bà Nguyễn Thị Kim H, địa chỉ: Thôn 1A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Vào ngày 17-9-2019 anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mông D có đến nhà anh Nguyễn Quốc T vay số tiền là 150.000.000đ, hẹn một tháng sau, sẽ trả số tiền đã vay, tuy nhiên đến hẹn anh T, chị D không trả. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày, trước thời điểm lập giấy vay ngày 17-9-2019 anh T, chị D có vay của anh T nhiều lần, trong đó có khoản vay số tiền 400.000.000đ và giao lại số tiền trên cho bà H để đáo hạn ngân hàng, khoản vay này anh T, chị D đã trả được 350.000.000đ, còn nợ số tiền 50.000.000đ, ngoài ra ngày 15-10-2018, anh T, chị D có vay của anh T số tiền 100.000.000đ, mục đích vay tiền để đầu tư nông nghiệp, thời hạn trả nợ ngày 15-01-2019. Do anh T chị D không trả được toàn bộ số tiền nêu trên nên ngày 17-9-2019 các bên viết lại thành giấy vay tiền 150.000.000đ, bao gồm khoản tiền vay 100.000.000đ và 50.000.000đ. Đến nay anh T, chị D không trả được khoản tiền trên nên anh T làm đơn khởi kiện, yêu cầu anh T, chị D trả số tiền đã vay là 150.000.000đ và không yêu cầu lãi suất.

Ý kiến bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Mộng D trình bày:

Khoảng tháng 9 năm 2019, do bà Nguyễn Thị Kim H (là mẹ kế của anh T) phải đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên do không có tiền nên có nhờ anh T, chị D đứng ra vay của anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 400.000.000đ, (thực chất là ký giấy nhận nợ thay bà H) vì số tiền 400.000.000đ anh T, chị D không được nhận tiền, lý do trước đó bà H đã nhận tiền từ anh T và cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà H cho anh T, do khoản tiền của bà H chuyển sang nợ xấu nên bà H không thể đứng tên để vay tại Ngân hàng, do vậy bà H có nhờ anh T, chị D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi làm thủ tục để sang tên trên giấy chứng nhận thì anh T yêu cầu anh T, chị D ký giấy nhận nợ, đồng thời anh T chị D đã làm thủ tục vay lại Ngân hàng được số tiền 350.000.000đ, sau khi nhận tiền anh T, chị D đã giao toàn bộ số tiền trên cho bà H để trả lại cho anh T. Hiện nay khoản tiền vay 400.000.000đ của anh T chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000đ; khi vay tiền anh T có thỏa thuận mức lãi suất với bà H hay không thì anh T, chị D không biết, đối với số tiền còn nợ anh T, anh T, chị D không đồng ý trả tiền, bà H là người có trách nhiệm trả khoản tiền trên vì anh, chị chỉ đứng ra vay dùm. Anh T, chị D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đối với số tiền 150.000.000đ.

Về tài liệu chứng cứ để chứng minh việc vay tiền, trả tiền anh T, chị D không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, chữ ký trong hợp đồng vay số tiền 150.000.000đ, anh T, chị D thừa nhận đúng và không yêu cầu giám định.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh T trình bày: Vào ngày 17-9-2019 anh T, chị D có vay chồng chị số tiền 150.000.000đ và hẹn ngày 17-10-2019 sẽ trả cho gia đình chị, do bận công việc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Khoảng tháng 10-2019 do phải đáo hạn ngân hàng nhưng không có tiền trả

nên bà H có vay của anh T số tiền 400.000.000đ để trả nợ ngân hàng, sau khi rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp từ Ngân hàng bà H đã giao lại cho anh T. Do bà H là con nợ xấu nên không thể làm thủ tục để vay lại ngân hàng, do vậy bà có nhờ anh T, chị D đứng tên trên giấy chứng nhận để làm hồ sơ vay lại ngân hàng, sau khi sang tên trên giấy chứng nhận anh T yêu cầu anh T, chị D ký giấy nhận nợ khoản tiền bà H đã vay, bà H cũng yêu cầu anh T hủy giấy vay tiền được lập giữa bà và anh T, khi ký giấy anh T, chị D chỉ ký một bản, sau khi anh T, chị D vay ngân hàng được số tiền 350.000.000đ đã giao lại cho bà H toàn bộ số tiền và bà H đã trả số tiền trên cho anh T, chỉ còn nợ số tiền gốc là 50.000.000đ, ngoài khoản tiền vay trên thì bà H không biết anh T chị D có vay của anh T khoản tiền nào khác hay không, đối với số tiền nợ gốc là 50.000.000đ bà đồng ý trả nợ thay cho anh T, chị D.

Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000đ vào ngày 14-03-2021, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý với ý kiến của bị đơn; về án phí các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng.

Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D phải trả cho nguyên đơn số tiền là 120.000.000đ vào ngày 14-03-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D, trú tại Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trả số tiền đã vay 150.000.000đ. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2**]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D phải trả số tiền vay là 150.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nội dung hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 17-09-2019 do nguyên đơn cung cấp (bản gốc) thể hiện anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D có vay của anh Nguyễn Quốc T số tiền là 150.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả khoản vay ngày 17-10-2019; không thỏa thuận lãi suất, có chữ ký của anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D. Quá trình giải quyết tại Tòa án,

anh T, chị D thừa nhận chữ ký trên của anh T, chị D nên không yêu cầu giám định.

[2.1]. Xét ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều xác định. Anh T, chị D có ký giấy nhận nợ đối với anh T để đảm bảo khoản tiền mà bà H nhận của anh T là 400.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, (do thời điểm này bà H không có tiền trả nợ ngân hàng và cũng không thể làm thủ tục vay ngân hàng vì là khách nợ xấu), sau khi bà H làm thủ tục chuyển tên cho anh T, chị D trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H, anh T, chị D làm thủ tục vay lại tiền từ ngân hàng được số tiền 350.000.000đ, Toàn bộ số tiền trên đã giao lại cho bà H và đã trả lại cho anh T, chỉ còn nợ lại số tiền gốc đã vay của khoản tiền 400.000.000đ là 50.000.000đ. sự việc này, anh T, anh T, chị D, bà H đều xác nhận, nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xé xử xác định anh T, chị D còn nợ anh T số tiền 50.000.000đ là có thật.

[2.2]. Xét nội dung giấy hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15-10-2018 do nguyên đơn cung cấp (bản gốc) thể hiện anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D có vay của anh Nguyễn Quốc T số tiền 100.000.000đ, mục đích vay để đầu tư nông nghiệp, thời hạn trả nợ ngày 15-01-2019, có chữ ký của anh T, chị D. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã yêu cầu anh T, chị D cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc vay tiền, trả nợ cho anh Nguyễn Quốc T, tuy nhiên anh T, chị D không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét; xét ý kiến của nguyên đơn anh T trình bày, ngoài khoản vay tiền 400.000.000đ, anh T, chị D đã trả 350.000.000đ, còn nợ 50.000.000đ (như đã nêu ở trên), anh T, chị D còn vay của anh T nhiều khoản khác, nhưng không trả được, nên ngày 17-9-2019 hai bên chốt lại số tiền là 150.000.000đ, mặt khác chữ ký trên anh T, chị D đều thừa nhận, như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định anh T, chị D có vay của anh T tổng số tiền là 150.000.000đ (vay hai lần), xét số tiền vay đã quá thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000đ, xét ý kiến của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đồng thời thỏa thuận với bị đơn cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 120.000.000đ trong thời hạn 02 tháng, ý kiến của bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000đ vào ngày 14-03-2021. Về án phí các đương sự đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do tại phiên tòa có đương sự vắng mặt nên HĐXX không ghi nhận được ý kiến, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong bản án mà không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D phải nộp án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T.

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D phải trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền là 120.000.000 đồng vào ngày 14-03-2021

Kể từ ngày anh Nguyễn Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T, chị Huỳnh Mộng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000đ *(sáu triệu đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Anh Nguyễn Quốc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000991 ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA